

TỜ TRÌNH

Về việc công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã Mao Điền

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Mao Điền về việc quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân xã Mao Điền xem xét, quyết định công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

1. Công bố quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

2. Phòng Kinh tế phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND và các đơn vị có liên quan tổ chức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, niêm yết biểu mẫu quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 tại trụ sở UBND xã Mao Điền theo đúng quy định hiện hành.

Kính trình Ủy ban nhân dân xã Mao Điền xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Xuân Lực

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MAO ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 387/QĐ-UBND

Mao Điền, ngày 17 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MAO ĐIỀN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Mao Điền về việc quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 98/TTr-KT ngày 16/03/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 đã được HĐND xã phê duyệt.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Phòng Kinh tế phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, niêm yết biểu mẫu quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 tại trụ sở UBND xã Mao Điền theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND, Trưởng phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Xuân Kiêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 02/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Mao Điền về việc quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 17/03/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 17 tháng 03 năm 2025 tại UBND xã Mao Điền.

*** Thành phần tham dự:**

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1/ Ông Nguyễn Đình Hiền | Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND xã . |
| 2/ Ông Vũ Văn Thuận | Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ xã |
| 3/ Ông Lương Đình Hiền | Chức vụ: Chánh VP HĐND- UBND xã. |
| 4/ Ông Trần Xuân Lược | Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã. |
| 5/ Bà Trần Thị Lệ Giang | Chức vụ: CV phòng Kinh tế xã - Thư ký |

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

Thành phần niêm yết:

- Công khai và niêm yết công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Lưu Văn Quân

BIÊN BẢN

Kết quả niêm yết công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Mao Điền về việc quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của Ủy ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

Hôm nay ngày 17 tháng 4 năm 2026, Tại Trụ sở UBND xã Mao Điền, Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 1/ Ông Nguyễn Đình Hiền | Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND xã . |
| 2/ Ông Vũ Văn Thuận | Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ xã |
| 3/ Ông Lương Đình Hiền | Chức vụ: Chánh VP HĐND- UBND xã. |
| 4/ Ông Trần Xuân Lục | Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế xã. |
| 5/ Bà Trần Thị Lệ Giang | Chức vụ: CV phòng Kinh tế xã - Thư ký |

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025.

Trong khoảng thời gian niêm yết từ ngày 17/3/2026 đến ngày 17/4/2026, xã không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của các thành viên nhất trí với nội dung niêm yết

công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 được HĐND xã Mao Điền quyết định.

Biên bản được lập thành 02 bản, Niêm yết tại trụ sở 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Trần Thị Lệ Giang

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Hiền

THÀNH PHẦN THAM GIA



Trần Xuân Lẻ



Vũ Văn Chuẩn

THUYẾT MINH

Quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2025 trình HĐND xã Mao Điền

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 14/3/2026 của Hội đồng nhân dân xã Mao Điền về việc quyết toán ngân sách địa phương năm 2025;

A. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn thực hiện được: 1.001 tỷ 389 triệu đồng, đạt 404% kế hoạch năm, *trong đó:*

1. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện được 76 tỷ 714 triệu đồng, đạt 3.170% kế hoạch năm.
2. Thu từ thuế thu nhập cá nhân thực hiện 32 tỷ 594 triệu đồng, bằng 2.144% so với kế hoạch năm.
3. Lệ phí trước bạ thực hiện được 10 tỷ 924 triệu đồng, đạt 1.150% kế hoạch năm.
4. Thu phí, lệ phí thực hiện được 484 triệu đồng, đạt 197% kế hoạch năm.
5. Thu tiền sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện được 619 triệu đồng, đạt 170% kế hoạch năm.
6. Thu tiền sử dụng đất thực hiện được 430 tỷ 943 triệu đồng, đạt 17.238% kế hoạch năm.
7. Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thực hiện được 2 tỷ 161 triệu đồng.
8. Thu khác ngân sách thực hiện được 94 tỷ 932 triệu đồng, đạt 94.932% kế hoạch năm.
9. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác thực hiện được 363 triệu đồng, đạt 86% kế hoạch năm.
10. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang là 30 tỷ 573 triệu đồng.
11. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên là 239 tỷ 496 triệu đồng đạt 100% kế hoạch năm.
12. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên là 81 tỷ 586 triệu đồng.

B. Quyết toán thu chi ngân sách địa phương:

1. Quyết toán thu ngân sách địa phương năm 2025.

a. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2025 là: 371 tỷ 740 triệu đồng, đạt 152% so với kế hoạch thành phố giao, cụ thể như sau:

1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý thực hiện được: 3 tỷ 345 triệu đồng, đạt 173% kế hoạch năm.
2. Thu từ thuế thu nhập cá nhân thực hiện được: 11 tỷ 395 triệu đồng, đạt 937% kế hoạch năm.

3. Thu Lệ phí trước bạ thực hiện được: 3 tỷ 124 triệu đồng, đạt 329% kế hoạch năm.

4. Thu phí, lệ phí thực hiện được: 297 triệu đồng, đạt 121% kế hoạch năm.

5. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện được: 368 triệu đồng, đạt 58% kế hoạch năm.

6. Thu tiền sử dụng đất thực hiện được: 59 triệu đồng, đạt 16% kế hoạch năm.

7. Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác thực hiện được: 363 triệu đồng, đạt 86% kế hoạch năm.

8. Thu khác ngân sách thực hiện được: 1 tỷ 134 triệu đồng, đạt 1.134% kế hoạch năm.

b. Thu chuyển nguồn:

Kinh phí năm 2024 chuyển nguồn sang chi năm 2025: 30 tỷ 573 triệu đồng.

c. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thực hiện là: 321 tỷ 082 triệu đồng

Trong đó:

- Bổ sung cân đối là: 239 tỷ 496 triệu đồng

- Bổ sung có mục tiêu là: 81 tỷ 586 triệu đồng.

2. Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2025.

a. Chi Đầu tư phát triển

Chi Đầu tư cho các dự án: 24.603 triệu đồng, đạt 6.561% kế hoạch thành phố giao; Tăng do huyện Cẩm Giàng cũ, tỉnh Hải Dương cũ bổ sung có mục tiêu cho các xã 6 tháng đầu năm 2025 hỗ trợ thanh toán trả nợ các công trình trên địa bàn xã.

b. Chi thường xuyên:

****/ Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 316 tỷ 433 triệu đồng, đạt 205% kế hoạch tỉnh giao, cụ thể bao gồm các khoản chi sau:***

1. Chi sự nghiệp Giáo dục và đào tạo: 136 tỷ 003 triệu đồng, đạt 108% kế hoạch năm. Tăng do chi hỗ trợ giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn xã theo Nghị quyết 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh; bổ sung kinh phí chi hỗ trợ khẩn cấp khắc phục thiệt hại do bão số 3 Yagi và bổ sung chi chuyên môn và nhiệm vụ phát sinh khối giáo dục năm 2025.

2. Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 85 triệu đồng, đạt 11% kế hoạch năm.

3. Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin: 2 tỷ 547 triệu đồng, đạt 105% kế hoạch năm. Tăng do bổ sung kinh phí chi sự nghiệp văn hoá và chi các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2025

4. Chi sự nghiệp Thể thao: 1 tỷ 356 triệu đồng, đạt 528% kế hoạch năm.

5. Chi sự nghiệp phát thanh: 1 tỷ 681 triệu đồng, đạt 163% kế hoạch năm. Tăng do bổ sung kinh phí thực hiện tăng lương, tiền thưởng theo NB



73/2024/NĐ-CP, bổ sung kinh phí chi các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn và các công việc phát sinh trong năm.

6. Chi sự nghiệp môi trường: 9 tỷ 430 triệu đồng, đạt 123% kế hoạch năm.

7. Chi hoạt động kinh tế: 6 tỷ 305 triệu đồng, đạt 105% kế hoạch năm.

8. Chi sự nghiệp bảo đảm xã hội: 48 tỷ 716 triệu đồng, đạt 162% kế hoạch năm; Tăng do thành phố bổ sung kinh phí chi đảm bảo xã hội. Tăng do thành phố bổ sung kinh phí Tặng quà nhân dân kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9, kinh phí tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 và chi bổ sung chi đảm bảo xã hội.

9. Chi Quản lý nhà nước: 101 tỷ 248 triệu đồng, đạt 193% kế hoạch năm; Tăng do ngân sách thành phố bổ sung kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; bổ sung kinh phí thực hiện tăng lương, tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP; kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác chung; bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, phòng ban chi các nhiệm vụ chuyên môn và các công việc phát sinh trong năm.

10. Chi công tác Quốc phòng, công tác An ninh và trật tự an toàn xã hội: 4 tỷ 074 triệu đồng, đạt 110% kế hoạch năm; Tăng do thành phố bổ sung kinh phí tổ chức gặp mặt cán bộ Quân đội nghỉ hưu, nghỉ công tác cấp xã, phường, đặc khu nhân dịp kỷ niệm 81 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và Ngày hội Quốc phòng toàn dân, hỗ trợ chi các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn và chi một số nhiệm vụ phát sinh trong năm.

11. Chi khác ngân sách: 4 tỷ 988 triệu đồng, đạt 1.223% kế hoạch năm.

12. Chi chuyển giao ngân sách: 500 triệu đồng

13. Chi chuyển nguồn sang năm sau: 28 tỷ 903 triệu đồng.

14. Chi kết dư sang năm sau: 1 tỷ 300 triệu đồng.

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian hoàn thành	Số Quyết định, nghị, chỉ, năm ban hành	Quyết định đầu tư										Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2025				Dự TOÀN				QUYẾT TOÀN				So sánh (%)					
						Tổng mức đầu tư được duyệt																											
						Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn							
Ngoại nước	Nội sách	Nội xã	Ngoại nước	Nội sách	Nội xã	Ngoại nước	Nội sách	Nội xã		Ngoại nước	Nội sách	Nội xã		Ngoại nước	Nội sách	Nội xã		Ngoại nước	Nội sách	Nội xã		Ngoại nước	Nội sách	Nội xã									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25-21/17		26-22/18		27-23/19		28-24/20	
Tổng số																																	
A	NGÂN, LĨNH VỰC, CHỨC, TRINH, ...	-	-	-	-	128.274	-	-	128.274	125.934	-	-	125.934	24.357	-	-	96.659	24.603	-	-	24.603	24.603	-	-	24.603	24.603	100	-	-	100	-	-	100
I	CƠ QUAN, ĐƠN VI, XÃ MẠO ĐIỂN	-	-	-	-	128.274	-	-	128.274	125.934	-	-	125.934	24.357	-	-	96.659	24.603	-	-	24.603	24.603	-	-	24.603	24.603	100	-	-	100	-	-	100
1	Chuẩn bị đầu tư																																
-	Dự án A																																
2	Thực hiện dự án	-	-	-	-	128.274	-	-	128.274	125.934	-	-	125.934	24.357	-	-	96.659	24.603	-	-	24.603	24.603	-	-	24.603	24.603	100	-	-	100	-	-	100
a	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 5 năm ... sang giải đoạn 5 năm ...																																
-	Dự án B																																
-																																	
b	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 5 năm					128.274	0	0	128.274	125.934	0	0	125.934	24.357	0	0	96.659	24.603	0	0	24.603	24.603	0	0	24.603	24.603	100			100			100
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường giao thông từ Cảng Vĩnh Lợi đi thôn Thượng	Xã Mao Điền		2023-2024	Số 163/QĐ-UBND, 16/12/2022	6.959			6.959	6531,285			6531,285	5946			5946	350			350	350			350	350	100%			100%			100%
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung 100 ha xã Cẩm Đông	Xã Mao Điền		2020-2021	90/QĐ-UBND, ngày 14/12/2020	9.581			9581,474	8731,672			8731,672	8500			8500	200			200	200			200	200	100%			100%			100%
3	Đường sản xuất từ cầu thôn Trảng ra nghĩa địa thôn Trảng, xã Cẩm Đông	Xã Mao Điền		2024	Số 165/QĐ-UBND, 26/11/2023	526,0			526,0	493,418			493,418	200			200	253			253	253			253	253	100%			100%			100%
4	Cải tạo nhà làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, nhà làm việc công an xã Phức Dịch, huyện Cẩm Giang	Xã Mao Điền		2024-2025	24/QĐ-UBND, ngày 19/12/2024	998,0			998,0	998,0			998,0	500			500	500			500	500			500	500	100%			100%			100%
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết nối từ Quốc lộ 5 đến Đình làng Lã Xá, xã Cẩm Phức	Xã Mao Điền		2024-2025	Số 139/QĐ-UBND, ngày 14/10/2024	7.530,0			7.530,0	6500			6500	1500			1500	500			500	500			500	500	100%			100%			100%



6	Cải tạo, mở rộng đường giao thông thôn Hoàng Hòa xã Cẩm Diên (Giai đoạn 2)	Xã Mao Diên	2023-2024	96/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	8.378,0		8.378,0	8.378,0	8.378,0		8.378,0	7711			7711	800		800	800		800	100%		100%
7	Sửa chữa nhà lớp học Trường tiểu học Tân Trường II	Xã Mao Diên		UBND ngày 20/5/2023	155		155	155	155		155			142	13		13	13		13	100%		100%	
8	Hệ thống tiêu thoát nước thôn Phú Xá, xã Tân Trường	Xã Mao Diên		UBND ngày 20/5/2023	4.124		4.124	4.124	4.124		4.124			3.830	294		294	294		294	100%		100%	
9	Nâng cấp cải tạo hồ xóm Bồn thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Xã Mao Diên		104/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	508		508	508	508		508			423	85		85	85		85	100%		100%	
10	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trong khuôn viên trung tâm UBND xã Tân Trường	Xã Mao Diên		106/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	882		882	882	882		882			776	106		106	106		106	100%		100%	
11	Đường bê tông nội đồng thôn Tân Kỵ, thôn Mai Trung xã Tân Trường	Xã Mao Diên		101/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	903		903	903	903		903			901	2		2	2		2	100%		100%	
12	Nâng cấp cải tạo hồ xóm Bồn, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, Hạng mục: Kè lấn bờ tổng bờ hồ	Xã Mao Diên		102/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	932		932	932	932		932			871	61		61	61		61	100%		100%	
13	Nâng cấp cải tạo hồ xóm Bồn, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, Hạng mục: Mở rộng đường bê tông + Đường dạo và lan can bờ hồ	Xã Mao Diên		103/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	724		724	724	724		724			600	124		124	124		124	100%		100%	
14	Cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Tân Trường I.	Xã Mao Diên		95/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	456		456	456	456		456			425	31		31	31		31	100%		100%	
15	Cải tạo nâng cấp sân, bồn hoa, tam cấp, lan xe Trường Tiểu học Tân Trường I.	Xã Mao Diên		100/QĐ-UBND ngày 20/5/2023	653		653	653	653		653			600	53		53	53		53	100%		100%	
16	Xây dựng tường rào, sân và các hạng mục phụ trợ UBND xã Tân Trường	Xã Mao Diên		180/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	11.563		11.563	11.563	11.563		11.563			8.745	2.818		2.818	2818		2.818	100%		100%	
17	Nhà lớp học 2 tầng 12 phòng (móng 3 tầng) Trường Mầm non Tân Trường (Khu Bắc)	Xã Mao Diên		Số 430/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	13.133		13.133	13.133	13.133		13.133			12.133	1.000		1.000	1000		1.000	100%		100%	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính giao thông nông thôn, đoạn từ nhà ông Nguyễn Hữu Mạnh đến nhà bà Nguyễn Thị Năm thôn Tăng Mỹ	Xã Mao Diên		Số 108/QĐ-UBND ngày 17/6/2023	7.183		7.183	7.183	7.183		7.183			3.003	4.180		4.180	4180		4.180	100%		100%	

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	245.104.000.000	370.439.596.337	151
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	375.000.000	338.036.904.492	90.143
I	Chi đầu tư phát triển	375.000.000	21.603.171.916	5.761
1	Chi đầu tư cho các dự án	375.000.000	21.603.171.916	5761
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		1.096.343.000	
-	Chi hoạt động kinh tế		15.682.338.000	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		6.283.790.916	
	Chi đảm bảo xã hội		1.540.700.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	230.736.000.000	311.445.687.276	135
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	126.124.000.000	136.003.291.102	108
	Chi khoa học và công nghệ			
	Chi y tế, dân số và gia đình	769.000.000	84.808.818	11
	Chi văn hóa thông tin	2.421.000.000	2.546.495.499	105
	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.029.000.000	1.681.301.927	163
	Chi thể dục thể thao	257.000.000	1.356.293.080	528
	Chi bảo vệ môi trường	7.663.000.000	9.429.876.000	123
	Chi các hoạt động kinh tế	6.017.000.000	6.305.039.140	105
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	52.336.000.000	101.247.922.150	193
	Chi bảo đảm xã hội	30.018.000.000	48.716.322.785	162
	Chi Quốc phòng,	1.174.000.000	1.852.415.565	158
	Chi An ninh	2.520.000.000	2.221.921.210	88
II	Chi khác	408.000.000	4.988.045.300	1223
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng ngân sách	13.993.000.000		0
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	102.500.000		0
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		3.000.000.000	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		28.902.663.376	
E	NỘP TRẢ NS CẤP TRÊN		500.028.469	
F	CHI KẾT DƯ		1.300.383.042	
V	Dự phòng ngân sách	4.269.000.000		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên		61.954.000	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0		
	Tiết kiệm chi ND 173	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		10.454.308.113	



QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	248.017.000.000	245.104.000.000	1.001.388.659.211	371.739.979.379	404	152
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	248.017.000.000	245.104.000.000	970.815.303.845	341.166.624.013	391	139
I	Thu nội địa	248.017.000.000	245.104.000.000	970.815.303.845	341.166.624.013	391	139
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	2.420.000.000	1.936.000.000	76.713.341.275	3.344.750.177	3.170	173
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.520.000.000	1.216.000.000	32.593.512.399	11.395.384.806	2.144	937
6	Thuế bảo vệ môi trường						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước						
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu						
7	Lệ phí trước bạ	950.000.000	950.000.000	10.924.321.582	3.124.126.307	1.150	329
8	Thu phí, lệ phí	246.000.000	246.000.000	484.289.515	296.527.515	197	121
-	Phí và lệ phí trung ương						
-	Phí và lệ phí tỉnh						
-	Phí và lệ phí xã, phường, đặc khu	246.000.000	246.000.000	484.289.515	296.527.515		121
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	365.000.000	365.000.000	618.772.845	368.260.092	170	101
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			2.161.235.341			
12	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000.000	375.000.000	430.942.576.786	58.536.750	17.238	16
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	(Chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						



STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
16	Thu khác ngân sách	100.000.000	100.000.000	94.931.689.249	1.133.473.513	94.932	1.133
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	420.000.000	420.000.000	363.332.000	363.332.000	87	87
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức (5)						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)	239.496.000.000	239.496.000.000	321.082.232.853	321.082.232.853		134
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
IV	Thu viện trợ						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			30.573.355.366	30.573.355.366		





Biểu số 116/CK TC-SNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	371.739.979.379	TỔNG SỐ CHI	371.739.979.379
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	5.344.256.177	I. Chi đầu tư phát triển	24.603.171.916
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	14.740.134.983	II. Chi thường xuyên	316.433.732.576
III. Thu bổ sung	321.082.232.853	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	28.902.663.376
- Bổ sung cân đối	239.496.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	81.586.232.853		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	500.028.469
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	30.573.355.366		
Kết dư ngân sách			1.300.383.042

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã